

Bản án số: 54/2025/HS - ST
Ngày 27 - 11 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường, ông Nguyễn Văn Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Bắc Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên;

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Toà án nhân dân Khu vực 4 - Bắc Ninh xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Họ và tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1999;

- Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: thôn H, xã B, tỉnh Bắc Ninh. - Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Nguyễn Văn Đ và bà: Lê Thị Thư . Bị cáo có vợ Trần Thị T1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021. Gia đình bị cáo có 3 anh em, bị cáo là con thứ 3.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại bản án số 79/2021/HS-ST ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là Toà án nhân dân khu vực 4, tỉnh Bắc Ninh) xử phạt 21 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2021; phạt bổ sung 5.000.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Đã chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung ngày 05/01/2022, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/12/2022.

- Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2- Công an tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị T2, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 50 phút ngày 02/8/2025, tại đường liên thôn đoạn khu vực trước cửa nhà nghỉ H thuộc địa phận thôn G, xã B, tỉnh Bắc Ninh. Tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn T, sinh năm 1999, trú tại thôn H, xã B, tỉnh Bắc Ninh đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, phát hiện trên tay trái của T đang cầm trên tay 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất ma túy, khi thấy lực lượng Cơ quan Công an lo sợ bị phát hiện nên T đã thả túi nilon trên xuống đất dưới vị trí chỗ T dừng đỗ xe. Vật chứng thu giữ gồm: 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khoá nhựa viền màu đỏ bên trong chứa các mảnh viên nén màu hồng đỏ và 01 túi nilon nhỏ một đầu có rãnh khoá nhựa, bên trong túi nilon nhỏ này chứa chất tinh thể màu hồng (ngghi là chất ma túy), toàn bộ số vật chứng trên được niêm phong trong một phong bì, ký hiệu “QT”. Ngoài ra còn thu giữ của T gồm: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imel 1: 358589292109386, Imel 2: 358589292109394 được niêm phong trong một phong bì, ký hiệu “ĐT TUYÊN”; 01 Túi đeo chéo màu đen T đang đeo trên người bên trong có: 01 Căn cước công dân số: 024099012956 mang tên Nguyễn Văn T; 03 gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn đỏ mận, biển kiểm soát số 98B3- 357.30.

Ngày 03/8/2025, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T ở thôn H, xã B, tỉnh Bắc Ninh. Kết quả thu giữ gồm: 01 túi nilon màu trắng có rãnh khoá nhựa, đường viền màu trắng, bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng, có rãnh khoá nhựa, đường viền màu vàng, bên trong đựng chất tinh thể màu hồng và 06 viên dạng nén màu hồng đỏ và 01 mảnh viên nén màu hồng đỏ (ngghi là chất ma túy), được thu giữ để trong mũ bảo hiểm màu vàng xanh, có chữ “Xuân Chính mobile” được treo trên tường đối diện cửa ra vào phòng ngủ nơi ở của Nguyễn Văn T, số vật chứng ghi là chất ma túy trên được niêm phong trong phong bì ký hiệu “KX”; Thu giữ tại phòng ngủ của Nguyễn Văn T: 01

chai nhựa màu trắng, phía trên bên trên nắp chai đục một lỗ, gắn với cóng thủy tinh, một lỗ gắn với các đoạn ống hút nhựa màu vàng; 01 cuộn giấy bạc.

Ngày 03/8/2025, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phòng K- Công an tỉnh B giám định các mẫu vật nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì ký hiệu “QT” và “KX”. Tại kết luận giám định số 1721/KL-KTHS ngày 08/8/2025 của Phòng K- Công an tỉnh B kết luận:

- Trong 01 phong bì thư có ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định có: 01 túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khoá nhựa màu đỏ, bên trong đựng:

+ Chất tinh thể màu trắng hồng đựng trong 01 túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khoá nhựa là ma túy, có khối lượng 0,202 gam, loại Methamphetamine.

+ Các mảnh viên nén màu hồng đỏ là ma túy, có khối lượng 0,042 gam, loại Methamphetamine.

- Trong một phong bì thư có ký hiệu “KX” đã được niêm phong gửi giám định có: 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khoá nhựa, bên trong đựng:

+ Chất tinh thể màu trắng hồng đựng trong 01 túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khoá nhựa là ma túy, có khối lượng 0,101 gam, loại Methamphetamine.

+ 01 mảnh viên nén màu hồng đỏ và 06 viên nén màu hồng đỏ là ma túy, có khối lượng 0,621 gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận như sau: Do có nhu cầu sử dụng ma túy, buổi tối ngày 29/7/2025, Nguyễn Văn T đi đến khu vực đường tàu Phúc Lâm thuộc phường N, tỉnh Bắc Ninh để mua ma túy mục đích sử dụng cho bản thân. Tại đây, T gặp một người đàn ông không quen biết khoảng 27 đến 28 tuổi (T khai không biết họ, tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này) và hỏi mua 1.700.000 đồng tiền ma túy đá và ma túy ngạ. Người này đồng ý bán và nhận số tiền 1.700.000 đồng của T đồng thời đưa lại cho T 02 gói ma túy, trong đó có 01 gói chứa ma túy đá và 02 viên nén màu hồng đỏ; 01 gói chứa 07 viên nén màu hồng đỏ. T cầm số ma túy mua được mang số ma túy về nhà tại thôn H, xã B, tỉnh Bắc Ninh cất giấu để sử dụng dần. Sáng ngày 02/8/2025, T bỏ một phần ma túy đá và $\frac{1}{2}$ viên nén màu hồng đỏ ra sử dụng một mình tại nhà, số ma túy còn lại T chia thành 02 túi nilon gồm: 01 túi Tuyến cất giấu trong mũ bảo hiểm treo tại trước cửa phòng ngủ, bên trong túi nilon có chứa ma túy đá cùng 06 viên nén màu hồng đỏ và $\frac{1}{2}$ viên ma túy màu hồng đỏ; còn 01 túi có chứa ma túy đá và các mảnh viên nén màu hồng đỏ T cất giấu trên người. Khoảng 19 giờ ngày 02/8/2025, T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn đỏ mận, biển kiểm soát số 98B3- 357.30 của mẹ (là chị Lê Thị T2- sinh năm 1971, trú tại thôn H, xã B, tỉnh Bắc Ninh) để đi đón bạn ở trước cửa nhà nghỉ H thuộc thôn G, xã B, tỉnh Bắc Ninh và T có mang theo 01 túi

nilon đựng chất ma túy đá và các mảnh viên ma túy ngựa. Khi đi đến khu vực trước cửa nhà nghỉ H thì T dừng xe lại để đợi bạn. Cùng lúc, tổ công tác Công an tỉnh B tiến hành kiểm tra, bắt quả tang T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, khi thấy lực lượng Cơ quan Công an lo sợ bị phát hiện nên T đã thả túi nilon đang cầm ở tay trái xuống đất dưới vị trí chỗ T dừng đỗ xe, sau đó T đã tự giác nhặt túi nilon ma túy vừa thả xuống đất giao nộp cho Công an và được lập biên bản theo quy định.

Ngày 02/8/2025, Cơ quan điều tra tiến hành test nhanh chất ma túy đối với T. Kết quả T dương tính với chất ma túy Methamphetamine. Quá trình điều tra bị cáo khai nhận tự sử dụng ma túy một mình ngày 02/8/2025 tại xã B, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 23/10/2025, Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Công an xã B, tỉnh Bắc Ninh xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 06/11/2025 Công an xã B xử phạt 1.500.000đ.

Ngày 03/8/2025, Cơ quan điều tra tiến hành cho bị cáo T tự diễn lại hành vi thả gói ma túy xuống đất. Kết quả bị cáo đã tự thực hiện diễn lại thuần thục các động tác, tư thế thả gói ma túy xuống đất phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra. Cùng ngày 03/8/2025, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imel 1: 358589292109386, lắp sim số 0396.950.826 thu giữ của T. Kết quả không phát hiện nội dung liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngày 03/10/2025, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho bị cáo T xác định vị trí đã mua ma túy ở khu vực đường tàu Phúc Lâm thuộc phường N, tỉnh Bắc Ninh. Kết quả bị cáo T xác định được vị trí ma túy ngày 29/7/2025 ở khu vực đường tàu Phúc Lâm.

Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô 98B3- 357.30 là tài sản của bà Lê Thị T2 (là mẹ đẻ của bị cáo T) nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho bà T2.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông nội Nguyễn Văn B là liệt sỹ đã làm tròn nhiệm vụ trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống Mỹ cứu nước ngày 14/12/1975 được tặng Huy chương chiến sỹ giải phóng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; ngày 12/12/1975 được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 11/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Tại phiên toà ngày hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện VKSND Khu vực 4 đã đề nghị HĐXX:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời gian chấp hành án kể từ ngày 03/8/2025, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt bị cáo từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 phong bì thư được niêm phong có ký hiệu lần lượt là "QT", "KX" có dấu của Phòng K Công an tỉnh B;

- 03 gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc;

- 01 chai nhựa màu trắng, phía trên bên trên nắp chai đục 1 lỗ, gắn với công thủy tinh, một lỗ gắn với các đoạn ống hút nhựa màu vàng;

- 01 cuộn giấy bạc.

- 01 túi đeo chéo màu đen;

- 01 mũ bảo hiểm màu vàng, xanh có dòng chữ "Xuân Chính mobile";

- 01 sim số 0396.950.826. Được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín theo quy định ký hiệu "ĐT Tuyền".

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imel 1: 358589292109386 của bị cáo Nguyễn Văn T.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T: 01 Căn cước công dân số 024099012956 mang tên Nguyễn Văn T;

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi của mình, không tranh luận gì với quan điểm luận tội, buộc tội của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định bị cáo phạm tội: Từ những phân tích đánh giá các chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi mà bị cáo thực hiện như sau: Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 02/8/2025, tại khu vực trước cửa Nhà nghỉ H thuộc thôn G, xã B, tỉnh Bắc Ninh. Tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn T đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,966 gam chất ma túy loại Methamphetamine, với mục đích để sử dụng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang do cơ quan công an tỉnh B lập ngày 02/8/2025 cùng vật chứng thu giữ được, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 BLHS, bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 11/11/2025 của VKSND Khu vực 4 truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến lĩnh vực độc quyền quản lý của nhà nước về loại dược phẩm có tính chất gây nghiện mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương và là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác như trộm cắp tài sản, giết người, cướp của..... làm băng hoại các giá trị đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, làm suy giảm sức khỏe, giống nòi, gây nên các loại bệnh nguy hiểm như HIV, AIDS,..., ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế của bị cáo và gia đình. Do vậy cần phải lên một mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX nhận thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo có ông nội Nguyễn Văn B là liệt sỹ đã làm tròn nhiệm vụ trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống Mỹ cứu nước ngày 14/12/1975 được tặng Huy chương chiến sỹ giải phóng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; ngày 12/12/1975 được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân bị cáo: Tại bản án số 79/2021/HS-ST ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Bắc Ninh) xử phạt 21 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2021; phạt bổ sung 5.000.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Đã chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung ngày 05/01/2022, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/12/2022.

Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy bị cáo không chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước mà ăn chơi lêu lổng dính vào tệ nạn xã hội. Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân Khu vực 4 xét xử về tội phạm ma túy nhưng bị cáo không lấy đó là bài học để sửa chữa mà tiếp tục phạm tội. Do vậy cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian cần thiết mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện xong cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước ta.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 5 Điều 249 BLHS phạt bị cáo một khoản tiền để sung công quỹ nhà nước. Bị cáo T là người lao động bình thường, không thuộc diện hộ nghèo hay cận nghèo, cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo nhưng phạt ở mức khởi điểm.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên HĐXX Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với người đàn ông tên Q khoảng 27 đến 28 tuổi là người bán ma túy cho T ngày 29/7/2025; quá trình điều tra bị cáo T khai không biết rõ họ tên đệm, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này. Ngoài lời khai của T thì không còn tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Đối với bà Lê Thị T2 là người đã cho T mượn chiếc xe mô tô 98B3-357.30; khi cho mượn xe bà T2 không biết việc T mượn xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội nên bà T2 không vi phạm pháp luật.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imel 1: 358589292109386 bị cáo T đề nghị sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 phong bì thư được niêm phong có ký hiệu lần lượt là “QT”, “KX” có dấu của Phòng K Công an tỉnh B;

- 03 gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc;

- 01 chai nhựa màu trắng, phía trên bên trên nắp chai đục 1 lỗ, gắn với cóong thủy tinh, một lỗ gắn với các đoạn ống hút nhựa màu vàng;

- 01 cuộn giấy bạc.

- 01 túi đeo chéo màu đen;

- 01 mũ bảo hiểm màu vàng, xanh có dòng chữ “Xuân Chính mobile”;

- 01 sim số 0396.950.826. Được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín theo quy định ký hiệu “ĐT Tuyền”.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imel 1: 358589292109386 của bị cáo Nguyễn Văn T.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T: 01 Căn cước công dân số 024099012956 mang tên Nguyễn Văn T;

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm 07 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành án kể từ ngày 03/8/2025, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 phong bì thư được niêm phong có ký hiệu lần lượt là “QT”, “KX” có dấu của Phòng K Công an tỉnh B;

- 03 gói giấy bạc đều có hai mặt màu trắng bạc;

- 01 chai nhựa màu trắng, phía trên bên trên nắp chai đục 1 lỗ, gắn với cóong thủy tinh, một lỗ gắn với các đoạn ống hút nhựa màu vàng;

- 01 cuộn giấy bạc.

- 01 túi đeo chéo màu đen;
- 01 mũ bảo hiểm màu vàng, xanh có dòng chữ “Xuân Chính mobile”;
- 01 sim số 0396.950.826. Được niêm phong trong 01 phong bì thư dán kín theo quy định ký hiệu “ĐT Tuyên”.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imel 1: 358589292109386 của bị cáo Nguyễn Văn T.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T: 01 Căn cước công dân số 024099012956 mang tên Nguyễn Văn T;

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lự

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 12 năm 2024;

Tại: Phòng nghị án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Y, bà Đỗ Thị Hoài M.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 116/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên Phạm Văn T3, sinh năm 1965

Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị T4, sinh năm 1997.

Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Họ và tên: Phan Văn B1, sinh năm 1995.

Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án có thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung hay không:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; Bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp là hợp pháp:

Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

3. Có căn cứ kết tội bị cáo:

1. Căn cứ điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Phạm Văn T3:

Căn cứ khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; điều 17, điều 58 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị T4,

Căn cứ khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; điều 17, điều 58 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phan Văn B1:

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

4. Hình phạt, biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo; trách nhiệm bồi thường thiệt hại; vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

Xử phạt: Phạm Văn T3 05 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành án kể từ ngày 24/6/2024. Phạt bị cáo 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Nguyễn Thị T4 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành án kể từ ngày 24/6/2024.

Xử phạt Phan Văn B1 02 năm 03 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành án kể từ ngày 24/6/2024, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Phạm Văn T3, bị cáo Nguyễn Thị T4 và bị cáo Phan Văn B1 45 ngày theo điều 329 BLHS để đảm bảo Thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

5. Bị cáo có thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hay không:

Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

6. Án phí hình sự, án phí dân sự, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự:

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu, tiêu hủy: tịch thu tiêu hủy 04 phong bì thư được niêm phong bì thư được niêm phong dán kín có ký hiệu lần lượt “QT1”, “QT2”, “KT1”, “KT2” bên trong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định của Phòng K Công an tỉnh B và V; 02 cân tiểu ly; 01 chai nhựa màu trắng, nắp màu xanh, trên nắp chai có 02 lỗ

gắn 02 đoạn ống hút nhựa màu trắng; 01 hộp nhựa, có nắp đậy màu đỏ, bên trong có nhiều túi nilon màu trắng, có rãnh khóa nhựa màu xanh, đỏ.

- Buộc bị cáo Phạm Văn T3 nộp lại số tiền 1.900.000đ sung quỹ Nhà nước

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, số imei: 35726209183131367; 01 đầu băng màu đen, nhãn hiệu HXPRO.

- Trả lại cho Phan Văn B1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh, số imei: 868784053934816, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Phạm Văn T3 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng, có số Imei: 35856073325486; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, có số Imei: 35583208590717501, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Phạm Văn T3 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn T3.

- Trả lại anh Đàm Huy Tuấn A, sinh năm 2002; Địa chỉ: Xóm G, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An 01 thẻ căn cước công dân mang tên Đàm Huy Tuấn A.

Về án phí: Căn cứ quy định 12 khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Văn T3, Phan Văn B1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí HSST cho bị cáo T4.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

7. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử:

Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

8. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

9. Các vấn đề khác:

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

*** Biện pháp bảo đảm thi hành án:** Không áp dụng.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 01 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hoài Mơ Nguyễn Thị Y

Nguyễn Thị L